Bài 1: Học trực tuyến

|  |  |
| --- | --- |
| Vai trò | Mô tả |
| Người cuối | Sinh viên |
| Sponsor | Trường và doanh nghiệp |
| Chuyên gia nghiệp vụ | Giảng viên |
| Bộ phận kỹ thuật | Lập trình viên |
| Bên thứ ba | Các nhà cung cấp dịch vụ bên ngoài |

Bài 2:

App ngân hàng :

* 3 yêu cầu chức năng:

+ đăng nhập

+ chuyển tiền

+ xem số dư

* 3 yêu cầu phi chức năng:

+ đăng nhập bằng khuôn mặt

+ chuyển tiền phải lớn hơn hoặc bằng 5 k

+ 6 tháng phải đổi mật khẩu

Bài 3: shopee

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Người dùng | -khách hàng  -người bán  -nhân viên shopee | -mua hàng ,đặt đơn  -đăng sản phẩm  - quản lý các đơn hàng đã đặt |
| Phần cứng | Các thiết bị | -máy chủ  - thiết bị người dùng: laptop ,điện thoại |
| Phần mềm | ứng dụng | -ứng dụng shopee |
| Hệ thống bên ngoài | Các dịch vụ liên kết | -Cổng thanh toán:momo,ngân hàng  -hệ thống giao hàng :giao hàng nhanh,bee |
| Quy trình nghiệp vụ | Các quy trình vận hành | -quy trình dặt hàng-thanh toán – giao hàng – đánh giá  -quy trình hoàn hàng hoàn tiền |

Bài 4 :

|  |  |
| --- | --- |
| Giới thiệu | Trình bày tổng quan về hệ thống học trực tuyến, mục đích của tài liệu, phạm vi dự án và đối tượng sử dụng. |
| Phạm vi hệ thống | Nêu rõ lý do xây dựng hệ thống và mục tiêu mà phần mềm cần đạt được. |
| Định nghĩa thuật ngữ viết tắt | Giải thích các thuật ngữ, ký hiệu, hoặc viết tắt được dùng trong tài liệu để đảm bảo người đọc hiểu thống nhất. |
| Tài liệu tham khảo | Liệt kê các tài liệu, tiêu chuẩn, quy định hoặc nguồn tham khảo mà tài liệu SRS dựa vào. |
| Tổng quan tài liệu | Mô tả ngắn gọn cấu trúc của toàn bộ tài liệu SRS để người đọc nắm được bố cục. |

Bài 5:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kỹ thuật** | **Ưu điểm** | **Hạn chế** | **Khi nào nên dùng** | **Tình huống ví dụ** |
| **Phỏng vấn** | - Thu thập thông tin chi tiết, sâu sắc. - Có thể hỏi thêm, làm rõ yêu cầu ngay tại chỗ. - Tạo mối quan hệ tốt với người dùng | - Tốn thời gian và nhân lực. - Dễ bị thiên vị (tùy thuộc người phỏng vấn hoặc người trả lời). - Khó tổng hợp nếu có nhiều người tham gia | - Khi cần hiểu sâu quy trình, nhu cầu, và vấn đề cụ thể. - Khi làm việc với chuyên gia nghiệp vụ hoặc stakeholder chính | Phỏng vấn giảng viên và quản trị viên để hiểu cách họ quản lý khóa học trong **hệ thống học trực tuyến** |
| **Quan sát** | - Hiểu rõ cách người dùng thật sự làm việc, không chỉ nghe họ mô tả. | - Tốn thời gian, khó áp dụng nếu quy trình phức tạp. - Người được quan sát có thể thay đổi hành vi khi biết mình đang bị theo dõi (“hiệu ứng Hawthorne”). | - Khi muốn nắm bắt quy trình thực tế và hành vi người dùng. - Khi hệ thống hiện tại đang vận hành và có thể quan sát được. | Quan sát học viên tham gia lớp học trực tuyến để xem họ gặp khó khăn gì khi nộp bài hoặc tham gia thảo luận. |
| **. Khảo sát** | - Thu thập dữ liệu nhanh, từ số lượng người dùng lớn. - Dễ tổng hợp và phân tích thống kê. - Tiết kiệm chi phí. | Không thu được thông tin sâu. - Câu hỏi dễ bị hiểu sai. - Tỷ lệ phản hồi có thể thấp. | - Khi cần đánh giá mức độ hài lòng, nhu cầu chung của nhiều người dùng. - Khi thời gian và ngân sách có hạn. | Gửi bảng hỏi cho 500 sinh viên để khảo sát trải nghiệm của họ khi sử dụng **ứng dụng học trực tuyến**. |
| **Phân tích tài liệu** | - Có thể khai thác thông tin chính xác, đáng tin cậy từ tài liệu sẵn có. - Hiểu bối cảnh, quy trình, quy định hiện hành. - Không phụ | - Tài liệu có thể lỗi thời hoặc thiếu cập nhật. - Không phản ánh được thực tế vận hành hiện tại. | - Khi đã có hệ thống hoặc quy trình cũ, cần phân tích để nâng cấp. - Khi muốn hiểu quy định, biểu mẫu, tiêu chuẩn liên quan. | Phân tích quy trình đào tạo hiện hành và các biểu mẫu đăng ký khóa học của trường trước khi |

Bài 6 :

Các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hệ thống quản lý bệnh viện bao gồm: môi trường pháp lý, công nghệ, tổ chức, con người, kinh tế, xã hội và an ninh mạng.

Về **pháp lý**, các quy định về bảo mật và quyền riêng tư bệnh nhân buộc hệ thống phải có cơ chế xác thực, phân quyền truy cập, mã hóa dữ liệu và ghi nhật ký hoạt động.

Về **công nghệ**, cơ sở hạ tầng CNTT và các thiết bị y tế hiện có ảnh hưởng đến việc lựa chọn nền tảng phát triển, khả năng tích hợp và tốc độ xử lý của hệ thống.

Yếu tố **tổ chức** thể hiện ở quy trình làm việc giữa các khoa phòng, đòi hỏi hệ thống phải hỗ trợ luồng nghiệp vụ linh hoạt và kết nối thông tin giữa các bộ phận.

Đối với **yếu tố con người**, do trình độ tin học của nhân viên y tế không đồng đều, giao diện hệ thống cần thân thiện, dễ sử dụng và có hướng dẫn rõ ràng.

**Yếu tố kinh tế** như ngân sách đầu tư ảnh hưởng đến phạm vi triển khai, công nghệ sử dụng và mức độ tự động hóa.

Bài 7

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Stakeholder | Vai trò | Mối quan tâm | Mức độ ưu tiên |
| Khách hàng | Người đặt đơn và theo dõi quá trình giao hàng | Ứng dụng dễ sử dụng, theo dõi đơn theo thời gian thực, giao đúng hẹn, bảo mật thông tin cá nhân | Critical |
| Nhân viên giao hàng | Nhận và thực hiện đơn giao | Giao diện hiển thị rõ tuyến đường, vị trí giao hàng, thanh toán minh bạch, hỗ trợ định vị chính xác | Major |
| Quản lý hệ thống | Theo dõi hoạt động toàn hệ thống, xử lý sự cố | Giám sát hiệu suất giao hàng, thống kê dữ liệu, phân quyền người dùng, cảnh báo lỗi | Critical |
| Người bán | Tạo đơn và giao hàng qua hệ thống | Giao diện dễ tạo đơn, quản lý trạng thái giao, thông báo khi giao thành công, đối soát thanh toán chính xác | Major |
| Nhân viên app | Hỗ trợ khách khiếu nại, xử lý sự cố | Truy cập nhanh thông tin đơn, lịch sử giao dịch, cập nhật trạng thái chính xác | Minor |

Bài 8: Mua hàng online

Mô tả :

Người dùng truy cập vào website thương mại điện tử, tìm kiếm sản phẩm mong muốn, thêm vào giỏ hàng và tiến hành thanh toán. Sau khi thanh toán thành công, hệ thống xác nhận đơn và cập nhật trạng thái giao hàng để khách hàng theo dõi.

-yêu cầu chức năng:

+Đăng ký đăng nhập

+ tìm kiếm sản phẩm

+thêm sản phẩm vào giỏ hàng

+hủy đơn

-yêu cầu phi chức năng

+mật khẩu tối thiểu 6 kí tự

+ đăng ký email không trùng với email đã đăng ký

+đăng nhập bằng vân tay

Bài 9:

Tài liệu SRS – Hệ thống đặt món ăn tại quán

1. Giới thiệu

-Mục đích: Xác định yêu cầu phần mềm cho hệ thống đặt món tại quán.

-Phạm vi: Cho phép khách xem menu, đặt món, thanh toán, theo dõi trạng thái.

-Thuật ngữ: Món ăn, đơn hàng, người dùng, nhân viên, quản lý.

-Tài liệu tham khảo: Chuẩn IEEE SRS, tài liệu yêu cầu từ chủ quán.

2. Mô tả tổng quan

-Góc nhìn sản phẩm: Hệ thống web/mobile kết nối với máy POS và cổng thanh toán.

-Chức năng chính: Quản lý menu, đặt món, thanh toán, theo dõi đơn.

-Người dùng: Khách hàng, nhân viên phục vụ, đầu bếp, quản lý.

-Ràng buộc: Phải hoạt động online, tương thích di động.

3. Yêu cầu chức năng

-Khách hàng đăng ký, đăng nhập.

-Xem menu và chọn món.

-Đặt món, thanh toán trực tuyến hoặc tại quán.

-Nhân viên/đầu bếp cập nhật trạng thái đơn.

-Quản lý xem thống kê, doanh thu.

4. Yêu cầu phi chức năng

-Hiệu năng: Phản hồi dưới 3 giây.

-Bảo mật: Mã hóa dữ liệu, xác thực người dùng.

-Giao diện: Thân thiện, dễ sử dụng.

-Tính sẵn sàng: Hệ thống hoạt động 24/7.

5. Giao diện và phụ lục

-Giao diện chính: Menu, giỏ hàng, thanh toán, xác nhận đơn.

-Phụ lục: Sơ đồ Use Case, từ điển dữ liệu, tài liệu tham khảo.

Bài 10:

BÁO CÁO PHÂN TÍCH HỆ THỐNG – HỆ THỐNG QUẢN LÝ TUYỂN DỤNG

1. Các yếu tố môi trường hệ thống

Hệ thống quản lý tuyển dụng chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác nhau.

Về pháp lý, hệ thống phải tuân thủ quy định bảo mật thông tin cá nhân của ứng viên và các tiêu chuẩn lưu trữ dữ liệu.

Công nghệ ảnh hưởng đến khả năng tích hợp với hệ thống nhân sự, cổng email và các nền tảng tuyển dụng trực tuyến.

Tổ chức quy định quy trình tuyển dụng gồm nhiều bước (nhận hồ sơ, phỏng vấn, đánh giá, phê duyệt), đòi hỏi hệ thống hỗ trợ luồng xử lý linh hoạt.

Yếu tố con người tác động đến thiết kế giao diện, vì nhân viên HR và trưởng phòng có trình độ tin học khác nhau.

Kinh tế ảnh hưởng đến quy mô triển khai và công nghệ sử dụng.

Cuối cùng, yếu tố xã hội thể hiện ở kỳ vọng của ứng viên về quá trình tuyển dụng nhanh, minh bạch và có thể theo dõi trực tuyến.

2. Phân tích Stakeholders

Hệ thống có nhiều bên liên quan. Ứng viên là người nộp hồ sơ và theo dõi kết quả tuyển dụng, họ quan tâm đến giao diện thân thiện và thông tin rõ ràng. Nhân viên HR chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, lập lịch phỏng vấn, gửi email và cần hệ thống hoạt động ổn định, dễ tra cứu. Trưởng phòng chuyên môn sử dụng hệ thống để đánh giá ứng viên và đưa ra nhận xét. Giám đốc nhân sự cần theo dõi tiến độ và xem các báo cáo tổng hợp. Cuối cùng là quản trị hệ thống, người đảm bảo vận hành, bảo mật và phân quyền người dùng.

3. Các nguồn yêu cầu

Yêu cầu hệ thống được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau. Quan trọng nhất là phỏng vấn người dùng để hiểu nhu cầu thực tế. Quan sát quy trình tuyển dụng hiện tại giúp phát hiện điểm yếu cần cải thiện. Ngoài ra, phân tích tài liệu như mẫu form, quy trình nội bộ, và trao đổi với lãnh đạo công ty giúp định hướng mục tiêu tổng thể cho hệ thống.

4. Một số yêu cầu chức năng và phi chức năng

Về chức năng, hệ thống cần cho phép ứng viên đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến, nhân viên HR quản lý danh sách ứng viên và lịch phỏng vấn, trưởng phòng đánh giá ứng viên, và hệ thống tạo báo cáo tuyển dụng chi tiết.

Về phi chức năng, hệ thống phải phản hồi nhanh (dưới 3 giây), đảm bảo bảo mật dữ liệu cá nhân, hoạt động liên tục 24/7 và có khả năng mở rộng khi số lượng ứng viên tăng.